TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **340**/2022/DS-ST
Ngày: 15-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên.**

2. Bà **Trần Thị Nga.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Minh Tuyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Vũ Thị Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 20221 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1982
Địa chỉ: 3/7 ấp 3, xã T, huyện B, TP. HCM.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Sơn D,** sinh năm: 1996. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: E8/3 T, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Thu**, sinh năm 1971 (Vắng mặt)
Địa chỉ: D16/90, ấp 4, xã B, huyện B, TP HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Ông Nguyễn Thanh V, do ông Nguyễn Sơn D đại diện trình bày như sau:

Ngày 30/9/2019, ông Nguyễn Thanh V có cho bà Trần Thị T vay số tiền là 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm từ ngày 30/9/2019 đến ngày 30/12/2020, lãi suất 1%/tháng.

Cho đến nay đã quá hạn trả nợ, mặc dù ông V đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T trả số tiền nợ là 15.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền nêu trên nhưng bà T nhất định không chịu trả. Từ thời điểm vay cho đến hiện nay, bà T cũng chưa trả lãi theo hợp đồng vay bất kỳ tháng nào cho ông V.

Nhận thấy việc bà T không trả tiền cho ông V là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V, nên ông V đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu bà Trần Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền gốc là 15.000.000 đồng.

- Yêu cầu bà Trần Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền lãi theo hợp đồng từ ngày 30/9/2019 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính số tiền lãi từ ngày 30/9/2019 cho đến tháng 12/2121 là 27 tháng, tương ứng với số tiền 1%/tháng x 15.000.000 đồng x 27 tháng = 4.050.000 đồng.

- Tổng số tiền gốc và tiền lãi ông Nguyễn Thanh V yêu cầu bà Trần Thị T phải trả cho ông Nguyễn Thanh V là 19.050.000 đồng.

Yêu cầu bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền nêu trên ngay khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Bị đơn - Bà Trần Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thanh V khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị T đây là tranh chấp về hợp đồng dân sư. Bà Trần Thị T cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Sơn D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra

xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[3] Theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/9/2019, thể hiện: Bà Trần Thị T có vay của ông Nguyễn Thanh V số tiền là: 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 30/9/2019 đến 30/9/2020, lãi suất là 1% tháng.

[4] Ông Nguyễn Thanh V xác định: Ông V đã nhiều lần gọi điện, thông báo yêu cầu bà Trần Thị T trả tiền vay, nhưng bà T không trả.

Ông Nguyễn Thanh V yêu cầu bà Trần Thị T thanh toán cho ông V số tiền lãi theo hợp đồng từ ngày 30/9/2019 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính số tiền lãi từ ngày 30/9/2019 cho đến tháng 12/2121 là 27 tháng, tương ứng với số tiền 1%/tháng x 15.000.000 đồng x 27 tháng = 4.050.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi ông Nguyễn Thanh V yêu cầu bà Trần Thị T phải trả cho ông Nguyễn Thanh V là 19.050.000 đồng.

Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:".

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[6] Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về lãi suất:

"1. Lãi suất vay do các bên thoả thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác liên quan có quy định khác. ...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.".

[8] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu bà Trần Thị T thanh toán cho ông V những số tiền sau:

- Yêu cầu bà Trần Thị T thanh toán cho ông Nguyễn Thanh V số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Yêu cầu bà Trần Thị T thanh toán số tiền lãi đối với khoản vay tại hợp đồng vay tiền ngày 30/9/2019, từ thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử tạm tính số tiền lãi từ ngày 30/9/2019 đến tháng 12/2021 là 27 tháng, tương ứng với số tiền 1%/tháng x 15.000.000 đồng x 27 tháng = 4.050.000 đồng.

Tổng số tiền ông V yêu cầu bà Trần Thị T thanh toán tính đến tháng 12/2021 là: 15.000.000 + 4.050.000 = 19.050.000 đồng.

Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải chịu 952.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Hoàn lại cho Ông NguyễnThanh V số tiền 450.000 đồng (bốn trăn năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0040139 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thanh V.

Buộc bà Trần Thị T thanh toán cho ông V những số tiền sau:

- Số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Số tiền lãi đối với khoản vay tại hợp đồng vay tiền ngày 30/9/2019, từ thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử tạm tính số tiền lãi từ ngày 30/9/2019 đến tháng 12/2021 là 27 tháng, tương ứng với số tiền 1%/tháng x 15.000.000 đồng x 27 tháng = 4.050.000 đồng.

Tổng số tiền bà Trần Thị T phải thanh toán là 19.050.000 đồng (mười chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải chịu 952.500 đồng (chín trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ông Nguyễn Thanh V số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0040139 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

2 000006 716200

Lê Ngọc Hải